

DANH MỤC THỦ TỤC HÀNH CHÍNH ĐƯỢC THAY THẾ TRONG LĨNH VỰC PHÒNG, CHỐNG THAM NHŨNG THUỘC THẨM QUYỀN GIẢI QUYẾT THANH TRA TỈNH VÀ CÁC SỞ, BAN, NGÀNH THUỘC ỦY BAN NHÂN DÂN TỈNH BÀ RỊA- VŨNG TÀU

(Ban hành kèm theo Quyết định số/QĐ-UBND ngày ... tháng ... năm 2021 của Chủ tịch Ủy ban nhân dân tỉnh Bà Rịa – Vũng Tàu)

I. Danh mục thủ tục hành chính được thay thế

| STT | Tên thủ tục hành chính cũ | Tên thủ tục hành chính mới | Thời hạn giải quyết | Địa điểm thực hiện | Cách thức thực hiện | Phí, lệ phí | Căn cứ pháp lý | Ghi chú |
|-----------------------------------------|-------------------------------------------------------------------------------------------|------------------------------------|------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------|------------------------------------------------------------------|--------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------|----------------|---------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------|-----------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------|
| Lĩnh vực Phòng, chống tham nhũng | | | | | | | | |
| 1 | Thủ tục kê khai tài sản, thu nhập. Thủ tục công khai Bản kê khai tài sản, thu nhập | Thủ tục kê khai tài sản, thu nhập. | 1. Thời điểm hoàn thành kê khai lần đầu: - Người đang giữ vị trí công tác quy định tại các khoản 1, 2 và 3 Điều 34 của Luật Phòng, chống tham nhũng phải hoàn thành việc kê khai trước ngày 31 tháng 3 năm 2021 (theo hướng dẫn tại công văn số 252/TTCP-C.IV ngày 19 tháng 2 năm 2021 của Thanh tra Chính phủ). - Người lần đầu giữ vị trí công tác quy định tại các khoản 1, 2 và 3 Điều 34 | Tại cơ quan, tổ chức, đơn vị của người có nghĩa vụ phải kê khai. | Việc kê khai tài sản, thu nhập được tiến hành trực tiếp tại cơ quan, tổ chức, đơn vị của người có nghĩa vụ phải kê khai. | Không quy định | - Luật Phòng, chống tham nhũng số 36/2018/QH14 ngày 20 tháng 11 năm 2018; - Nghị định số 130/2020/NĐ-CP ngày 30 tháng 10 năm 2020 của Chính phủ về kiểm soát tài sản, thu nhập của người có chức vụ, quyền hạn trong cơ quan, tổ chức, đơn vị; | Các nội dung còn lại của thủ tục hành chính thực hiện theo Quyết định số 70/QĐ-TTCP ngày 08 tháng 03 năm 2021 của Tổng Thanh tra Chính phủ về việc công bố thủ tục hành chính được thay thế trong lĩnh vực Phòng, chống tham nhũng thuộc phạm vi quản lý Nhà nước của |

| | | | | | | |
|--|--|-------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------|--|--|--------------------------------------------------------------------------------------|--------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------|
| | | <p>Luật Phòng, chống tham nhũng phải hoàn thành việc kê khai chậm nhất là 10 ngày kể từ ngày được tiếp nhận, tuyển dụng, bố trí vào vị trí công tác.</p> <p>2. Thời điểm hoàn thành việc kê khai bổ sung:</p> <p>Khi người có nghĩa vụ kê khai có biến động về tài sản, thu nhập trong năm có giá trị từ 300.000.000 đồng trở lên. Việc kê khai phải hoàn thành trước ngày 31 tháng 12 của năm có biến động về tài sản, thu nhập.</p> <p>3. Thời điểm hoàn thành việc kê khai hàng năm:</p> <p>Người giữ chức vụ từ Giám đốc sở và tương đương trở lên; người làm công tác tổ chức cán bộ, quản lý tài chính công, tài sản công, đầu tư công hoặc trực tiếp tiếp xúc và giải quyết công việc của cơ quan, tổ chức, đơn vị, cá nhân khác theo quy định của Chính phủ phải hoàn thành việc kê khai trước ngày 31 tháng 12</p> | | | <p>- Công văn số 525/TTCP-C.IV ngày 19 tháng 2 năm 2021 của Thanh tra Chính phủ.</p> | <p>Thanh tra Chính phủ.</p> <p>- Thủ tục hành chính thuộc thẩm quyền giải quyết của Thanh tra tỉnh và các Sở, ban, ngành.</p> |
|--|--|-------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------|--|--|--------------------------------------------------------------------------------------|--------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------|

| | | | | | | | | |
|---|------------------------------------|------------------------------------|----------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------|--------------------|--------------------------------------------------------------------|----------------|--------------------------------------------------------------------------------------------|---------------------------------------------------------------------------------------------|
| | | | <p>hàng năm.</p> <p>4. Thời điểm hoàn thành việc kê khai phục vụ công tác cán bộ:</p> <p>- Người có nghĩa vụ kê khai quy định tại các khoản 1, 2 và 3 Điều 34 của Luật Phòng, chống tham nhũng 2018 khi dự kiến bầu, phê chuẩn, bổ nhiệm, bổ nhiệm lại, cử giữ chức vụ khác phải hoàn thành kê khai chậm nhất là 10 ngày trước ngày dự kiến bầu, phê chuẩn, bổ nhiệm, bổ nhiệm lại, cử giữ chức vụ khác;</p> <p>- Người có nghĩa vụ kê khai quy định tại khoản 4 Điều 34 của Luật Phòng, chống tham nhũng 2018 việc kê khai được thực hiện theo quy định của pháp luật về bầu cử.</p> | | | | | |
| 2 | Thủ tục xác minh tài sản, thu nhập | Thủ tục xác minh tài sản, thu nhập | Không quá 115 ngày kể từ ngày có quyết định xác minh tài sản, thu nhập. Trong đó: Thời hạn xác minh là 45 ngày, trường hợp phức tạp thì thời hạn có thể | Tại Thanh tra tỉnh | Thủ tục xác minh tài sản, thu nhập được thực hiện trực tiếp tại cơ | Không quy định | - Luật phòng chống tham nhũng số 36/2018/QH14 ngày 20 tháng 11 năm 2018; - Nghị định số | Các nội dung còn lại của thủ tục hành chính thực hiện theo Quyết định số 70/QĐ-TTCP ngày 08 |

| | | | | | | | | |
|---|--------------------------------------|--------------------------------------|-----------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------|---------------------------------------------------------------|--------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------|-----------------------|----------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------|------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------|
| | | | <p>kéo dài nhưng không quá 90 ngày;</p> <p>Thời hạn ban hành kết luận là 10 ngày, trường hợp phức tạp có thể kéo dài nhưng không quá 20 ngày;</p> <p>Thời hạn công khai kết luận là 05 ngày làm việc.</p> | | <p>quan, tổ chức, đơn vị quản lý người có nghĩa vụ kê khai.</p> | | <p>130/2020/NĐ-CP ngày 30 tháng 10 năm 2020 của Chính phủ về kiểm soát tài sản, thu nhập của người có chức vụ, quyền hạn trong cơ quan, tổ chức, đơn vị.</p> | <p>tháng 03 năm 2021 của Tổng Thanh tra Chính phủ về việc công bố thủ tục hành chính được thay thế trong lĩnh vực Phòng, chống tham nhũng thuộc phạm vi quản lý Nhà nước của Thanh tra Chính phủ.</p> <p>- Thủ tục hành chính thuộc thẩm quyền giải quyết của Thanh tra tỉnh.</p> |
| 3 | Thủ tục tiếp nhận yêu cầu giải trình | Thủ tục tiếp nhận yêu cầu giải trình | <p>Thời hạn ra thông báo tiếp nhận hoặc từ chối giải trình là 05 ngày làm việc kể từ ngày tiếp nhận yêu cầu giải trình</p> | <p>Tại cơ quan nơi cá nhân, tổ chức có yêu cầu giải trình</p> | <p>Thông báo tiếp nhận hoặc từ chối giải trình được nộp theo một trong các phương thức sau đây:</p> <ul style="list-style-type: none"> - Trực tiếp - Qua đường bưu điện. | <p>Không quy định</p> | <p>-Luật Phòng, chống tham nhũng số 36/2018/QH14 ngày 20 tháng 11 năm 2018;</p> <p>- Nghị định số 59/2019/NĐ-CP ngày 01 tháng 7 năm 2019 của Chính phủ quy định chi tiết một số điều và biện pháp thi hành Luật phòng,</p> | <p>Các nội dung còn lại của thủ tục hành chính thực hiện theo Quyết định số 70/QĐ-TTCT ngày 08 tháng 03 năm 2021 của Tổng Thanh tra Chính phủ về việc công bố thủ tục hành chính được thay thế trong lĩnh vực Phòng, chống</p> |

| | | | | | | | | |
|---|-----------------------------------|-----------------------------------|-------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------|------------------------------------------------------------|--------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------|----------------|----------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------|-------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------|
| | | | | | | | chống tham nhũng. | tham nhũng thuộc phạm vi quản lý Nhà nước của Thanh tra Chính phủ. - Thủ tục hành chính thuộc thẩm quyền giải quyết của Thanh tra tỉnh và các Sở, ban, ngành. |
| 4 | Thủ tục thực hiện việc giải trình | Thủ tục thực hiện việc giải trình | Thời hạn thực hiện việc giải trình không quá 15 ngày kể từ ngày ra thông báo tiếp nhận yêu cầu giải trình. Trường hợp có nội dung phức tạp thì có thể gia hạn 01 lần, thời gian gia hạn không quá 15 ngày và phải thông báo bằng văn bản đến người yêu cầu giải trình. | Tại cơ quan nơi cá nhân, tổ chức thực hiện việc giải trình | - Trường hợp yêu cầu giải trình trực tiếp có nội dung đơn giản thì việc giải trình có thể thực hiện bằng hình thức trực tiếp nhưng phải được lập thành biên bản có chữ ký hoặc điểm chỉ của các bên. - Giải trình | Không quy định | - Luật Phòng, chống tham nhũng số 36/2018/QH14 ngày 20 tháng 11 năm 2018; - Nghị định số 59/2019/NĐ-CP ngày 01 tháng 7 năm 2019 của Chính phủ quy định chi tiết một số điều và biện pháp thi hành Luật phòng, chống tham nhũng. | Các nội dung còn lại của thủ tục hành chính thực hiện theo Quyết định số 70/QĐ-TTCT ngày 08 tháng 03 năm 2021 của Tổng Thanh tra Chính phủ về việc công bố thủ tục hành chính được thay thế trong lĩnh vực Phòng, chống tham nhũng thuộc phạm vi quản lý Nhà nước của Thanh tra Chính phủ. - Thủ tục hành |

| | | | | | | | | |
|--|--|--|--|--|---------------------------------------------------------------------------|--|--|------------------------------------------------------------------------------------|
| | | | | | được thực hiện bằng ban hành văn bản giải trình thông qua đường bưu điện. | | | chính thuộc thẩm quyền giải quyết của Thanh tra tỉnh và các Sở, ban, ngành. |
|--|--|--|--|--|---------------------------------------------------------------------------|--|--|------------------------------------------------------------------------------------|